

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5804 /VP-KT
V/v thực hiện Nghị quyết số
04/2018/NQ-HĐND ngày
05/7/2018 của Hội đồng nhân dân
Thành phố

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2018

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải;
- Công an thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố nhận được Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định nội dung, mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội (*văn bản đồng gửi các đơn vị*).

Về việc này, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Doãn Toàn có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải và Công an thành phố Hà Nội và đơn vị liên quan nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định; tham mưu, báo cáo UBND Thành phố những nội dung thuộc thẩm quyền.

Văn phòng UBND Thành phố thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố để các đơn vị thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND Thành phố:
Nguyễn Thế Hùng,
Ngô Văn Quý, Nguyễn Doãn Toàn;
- Ban KTNS-HĐND Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- CVP, PCVP: Đ.H.Giang, T. V. Dũng, P.V. Chiến;
- KT, KGVX, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, KT (hạnh). *Al*

24745 (50) -

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trương Việt Dũng

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành quy định nội dung, mức chi đặc thù
thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 6

(Từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018)

VĂN PHÒNG UBND TP. HÀ NỘI	
Số: ...	24745
ĐẾN	Ngày: ...
Chuyên: ...	13/7
Lưu hồ sơ số: ...	

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;
Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Liên Bộ: Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin ;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 87/TTr-UBND ngày 14/6/2018 về việc ban hành quy định một số nội dung, mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội, số 95/TTr-UBND ngày 02/7/2018; các báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 26/6/2018 và số 55/BC-HĐND ngày 04/7/2018 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

2. Quy định về định mức chi phí quản lý dự án và nội dung chi quản lý dự án của Ban Quản lý xã đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

3. Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Hà Nội từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông giai đoạn 2019-2020 và quy định một số nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo*).

4. Quy định về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn Thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo*).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

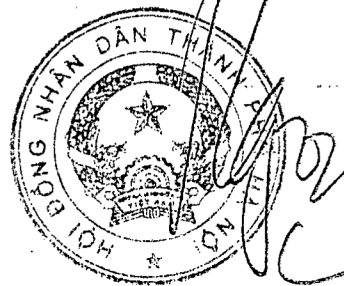
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 05/7/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2018 đến hết ngày 31/12/2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT, Công an, Giao thông vận tải;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn ĐBQH Thành phố HN;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Công GTĐT TP;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Bích Ngọc



PHỤ LỤC 01

Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin (CNTT) tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Công chức, viên chức có bằng chuyên môn về CNTT (gồm: ngành đúng đào tạo về CNTT hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT theo quy định) được giao nhiệm vụ chuyên trách (trực tiếp chỉ đạo; điều hành; quản lý nhà nước; triển khai; quản trị hệ thống) về CNTT theo đúng đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội.

Những người sau đây không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định này:

- Những người làm nhiệm vụ nhập thông tin, dữ liệu hoặc thực hiện những nội dung thuần túy sử dụng, ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý đã được quy định về định mức, đơn giá trong các văn bản quy định khác.

- Những người có bằng cấp chuyên môn về CNTT nhưng không được giao nhiệm vụ chuyên trách về CNTT.

3. Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội

a) Người có trình độ đại học hoặc trên đại học được hưởng mức hỗ trợ: 2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp được hưởng mức hỗ trợ: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Mức lương cơ sở được áp dụng thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về CNTT của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định.

b) Đối với các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội do ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên: Chi từ dự toán thường xuyên được giao hàng năm (Kinh phí không thường xuyên đối với các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và kinh phí không tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên).

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, tự đảm bảo chi thường xuyên và đảm bảo một phần chi thường xuyên, mức hỗ trợ hàng tháng chi từ nguồn thu của đơn vị.
